

THE POTENTIAL OF PARTICIPATION IN THE REDD+ PROGRAM FOR PEOPLE IN THE BUFFER ZONE OF NATURE RESERVE NAM ET-PHU LOI, HOUA PHAN PROVINCE, LAO PEOPLE'S DEMOCRATIC REPUBLIC

Vi Thuy Linh*, Nguyen Thi Bich Lien, Chu Thanh Huy

TNU - University of Sciences

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 31/10/2021 Revised: 28/12/2021 Published: 28/12/2021	To explore the potential for participation in REDD+ program for people in the buffer zone of Nam Et-Phu Loi nature reserve, Houa Phan province, the article surveyed the people's participation needs, analyzed favorable and difficulty factors when implementing REDD+. In this study, the questionnaire survey method was used to investigate 60 households in 3 communes (Khang Khao, Na Keng and Houy Moun) which located in the Nam Et-Phu Loi Natural Reserve. The number of samples in each commune is 20 households which are selected on the basis of differences in economic condition (good, medium, poor) and livelihoods. The questionnaire was designed to collect information on living conditions, forest use management, understanding about REDD+ of local residents. The combination of collecting secondary on forest and SWOT methods was used to analyse the potential local people for implement REDD+. The results show that the majority of people can be aware of the importance of forests, know the effects of deforestation and have a positive attitude towards participating in the implementation of the REDD+ program to reduce poverty for people. The study area meets the basic conditions to become an area participating in the REDD+ program.
KEYWORDS REDD Service payment Environment Forest Houa Phan province	

TIỀM NĂNG THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH REDD+ CHO NGƯỜI DÂN VÙNG ĐỆM KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN NAM ET-PHU LOI, TỈNH HOUA PHAN, NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Vi Thùy Linh*, Nguyễn Thị Bích Liên, Chu Thành Huy

Trường Đại học Khoa học – ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 31/10/2021 Ngày hoàn thiện: 28/12/2021 Ngày đăng: 28/12/2021	Để tìm hiểu tiềm năng tham gia chương trình REDD+ cho người dân vùng đệm khu bảo tồn thiên nhiên Nam Et-Phu Loi, tỉnh Houa Phan, bài báo đã khảo sát nhu cầu tham gia của người dân, phân tích các yếu tố thuận lợi và khó khăn khi thực hiện REDD+. Trong nghiên cứu, có sử dụng phương pháp điều tra, khảo sát 3 xã thuộc khu vực Khu bảo tồn Nam Et-Phu Loi: Khang Khao, Na Keng và Houy Moun, huyện Hua Muong, tỉnh Houa Phan với 60 phiếu điều tra (20 hộ gia đình/xã có điều kiện khác nhau bao gồm hộ gia đình có điều kiện kinh tế khá, trung bình và hộ nghèo, với sinh kế khác nhau) để thu thập những thông tin về đời sống, quản lý sử dụng rừng, hiểu biết về REDD+. Bài báo kết hợp phương pháp thu thập số liệu thứ cấp về rừng và phương pháp SWOT trong phân tích tiềm năng thực hiện REDD+. Kết quả cho thấy phần lớn người dân có thể nhận thức được tầm quan trọng của rừng, có biết ảnh hưởng của nạn phá rừng và có thái độ tích cực với việc tham gia thực hiện chương trình REDD+ nhằm xóa đói giảm nghèo cho người dân. Khu vực nghiên cứu đáp ứng được điều kiện cơ bản để trở thành địa bàn tham gia chương trình REDD+.
TỪ KHÓA REDD Chi trả dịch vụ Môi trường Rừng Tỉnh Houa Phan	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.5216>

* Corresponding author. Email: lienntb@tnus.edu.vn

1. Giới thiệu

Hiện nay mất rừng và suy thoái rừng là một nguyên nhân dẫn đến sự tăng lên của khí nhà kính đặc biệt là ở vùng nhiệt đới. Trong nhiều thập kỷ qua, các nhà khoa học từ nhiều tổ chức đã cố gắng tìm cách giải quyết vấn đề này và tìm ra biện pháp phù hợp, ít kinh phí để giảm thiểu biến đổi khí hậu, trong đó chương trình REDD+ là sáng kiến “Giảm nồng độ khí nhà kính có trong khí quyển thông qua việc hạn chế mất rừng và suy thoái rừng; quản lý tài nguyên rừng bền vững, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon của rừng tại các nước đang phát triển” được lựa chọn là một trong các giải pháp hiệu quả để giải quyết vấn đề. Đã có một số công trình nghiên cứu liên quan đến bảo vệ rừng và quản lý rừng bền vững như: chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng gắn với bảo vệ và quản lý rừng bền vững ở huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu [1]. Lê Văn Hưng (2021) đã nêu ra kết quả thực thi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng tại tỉnh Lào Cai [2]. Một nhóm nghiên cứu khác đã xây dựng kịch bản giảm phát thải CO₂ từ tài nguyên rừng huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016 – 2020 [3]. Tác giả Lê Nguyên Khang đã nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm đề xuất giải pháp thực hiện chương trình REDD+ tại tỉnh Điện Biên [4]. Đánh giá sự tham gia của người dân địa phương trong quá trình thực hiện dự án “Hỗ trợ chuẩn bị sẵn sàng thực hiện REDD+ ở Việt Nam” tại tỉnh Quảng Trị [5]; nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sinh kế người dân địa phương sống dựa vào rừng tại khu vực rừng đặc dụng ATK Định Hóa, Thái Nguyên [6]; phân tích cơ hội tham gia chương trình REDD cho người dân vùng đệm khu bảo tồn thiên nhiên Thần Sa – Phượng Hoàng huyện Võ Nhai, Thái Nguyên [7]; các yếu tố chính ảnh hưởng đến sự tham gia của các hộ gia đình địa phương vào chương trình REDD+: một nghiên cứu điển hình ở Việt Nam [8]... Việc nghiên cứu về tiềm năng tham gia REDD+ tại Việt Nam rất được quan tâm, trái lại tại Lào chưa có nhiều nghiên cứu về vấn đề này.

Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào là một trong những quốc gia có đa dạng sinh học phong phú nhất ở Đông Nam Á. Tuy nhiên, Lào đã có những thay đổi sâu sắc về rừng và đất đai trong vài thập kỷ qua. Phá rừng đã trở thành một vấn đề quan ngại trong nước. Somchit Vannaxon (2017) đã nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên rừng có sự tham gia của người dân tại vườn quốc gia Đông Ấm Pham, tỉnh Attapeu, Cộng hòa dân chủ nhân dân (CHDCND) Lào. Khu bảo tồn (KBT) quốc gia Nam Et-Phu Loi nằm ở phía Đông Bắc của CHDCND Lào. Với diện tích 410.720 ha, đây là KBT lớn nhất của Lào. Do đời sống của người dân địa phương tại KBT phụ thuộc nhiều vào tài nguyên môi trường, sự khai thác rừng làm nông nghiệp và khai thác lâm sản ngoài gỗ sẽ làm giảm tính đa dạng sinh học. Chính vì vậy, cần phải có biện pháp quản lý rừng bền vững trong tương lai. Bài báo này nhằm mục đích phân tích tiềm năng tham gia chương trình REDD+ cho người dân để REDD+ có thể trở thành một giải pháp phù hợp và thiết thực áp dụng tại khu bảo tồn thiên nhiên Nam Et-Phu Loi, tỉnh Houa Phan, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

- *Thu thập số liệu thứ cấp*: thu thập tài liệu, số liệu của phòng thống kê huyện, niên giám thống kê, số liệu phòng Tài nguyên và Môi trường, các loại báo liên quan... về rừng tại khu vực nghiên cứu. Thu thập các yếu tố cần thiết để phân tích đánh giá theo mục đích yêu cầu của đề tài.

- *Thu thập số liệu sơ cấp (điều tra, khảo sát)*: Mục đích: Thu thập những thông tin về đời sống, quản lý sử dụng rừng, hiểu biết về REDD+; Đối tượng và mẫu điều tra: Sử dụng 60 phiếu điều tra với các hộ dân 3 xã thuộc khu vực KBT Nam Et-Phu Loi: Khang Khao, Na Keng và Houy Moun, huyện Hua Muong, tỉnh Houa Phan (căn cứ theo sự hướng dẫn của cán bộ xã, đặc điểm dân cư các xã lựa chọn 20 hộ gia đình/xã có điều kiện khác nhau bao gồm hộ gia đình có điều kiện kinh tế khá, trung bình, nghèo, với sinh kế khác nhau); Cách thức điều tra: Sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, quan sát trực tiếp, tham vấn ý kiến của các bên liên quan ở địa phương như hộ gia đình, cộng đồng thôn bản, ban quản lý rừng, đại diện ủy ban nhân dân xã, đại diện các tổ chức

đoàn thể về đặc điểm kinh tế- xã hội, diễn biến rừng tự nhiên... của địa phương. Lấy ý kiến trực tiếp, văn bản hướng dẫn các chuyên gia liên quan: cán bộ điều phối và xây dựng chương trình REDD+ tại Cục Lâm nghiệp Lào để có những thông tin cụ thể, chính thức về quá trình triển khai, điều kiện thực thi REDD+ tại Lào.

2.2. Phương pháp xử lý số liệu, tổng hợp và phân tích thông tin

Phương pháp thu thập số liệu, thông tin sơ cấp, xử lý số liệu chủ yếu dựa vào số liệu tại địa bàn, nghiên cứu thực nghiệm ở cả 3 xã. Ngoài tham khảo các nghiên cứu thực nghiệm, đề tài có sử dụng các thông tin từ phỏng vấn các chủ thể liên quan.

Phương pháp phân tích hệ thống: sử dụng trong các phân tích lý thuyết và đánh giá thực trạng. Tiềm năng thực hiện REDD+ được gắn kết trong mối quan hệ biện chứng với các nội dung khác như đặc điểm tài nguyên, thực trạng quản lý, nguồn lực hiện có, đặc trưng văn hóa, phong tục tập quán, tình hình kinh tế xã hội, thực trạng thu thập...

2.3. Phương pháp SWOT

Được sử dụng trong phân phân tích tiềm năng thực hiện REDD+: đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ cho các điều kiện liên quan. Điểm mạnh: phân tích những thế mạnh, chức năng, khả năng ảnh hưởng của các điều kiện có tận dụng được các cơ hội để tham gia chương trình REDD+ tại khu vực nghiên cứu. Điểm yếu: phân tích những hạn chế, những yếu tố cản trở các cơ hội tham gia REDD+ khu vực nghiên cứu. Cơ hội: phân tích những tác động từ bên ngoài sẽ hỗ trợ việc thực hiện REDD+ khu vực nghiên cứu. Nguy cơ: phân tích những yếu tố bên ngoài nào đang gây khó khăn cho việc thực hiện REDD+ tại khu vực nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Đặc điểm khu vực nghiên cứu với việc đáp ứng các điều kiện thực thi REDD+

3.1.1. Đáp ứng điều kiện 1: Điều kiện tự nhiên

Khu vực nghiên cứu có đáp ứng điều kiện 1. Khu vực này bao gồm 4 loại rừng: rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng ngập mặn và rừng sử dụng theo thống kê diện tích rừng xã Khang Khao, Na Keng và Houy Moun năm 2020 (bảng 1) có thể thấy diện tích rừng chiếm phần lớn tổng diện tích tự nhiên.

Bảng 1. Diện tích rừng so với tổng diện tích tự nhiên tại những xã thuộc khu vực nghiên cứu

Hạng mục	Đơn vị tính	Xã		
		Khang Khao	Na Keng	Houy Moun
Tổng diện tích tự nhiên	ha	6.823,84	2.278,09	2.450,59
Rừng đặc dụng	ha	190,87	388,06	121,48
Rừng phòng hộ	ha	1.181,16	281,89	137,94
Rừng sản xuất	ha	1.359,52	245,62	1084,23
Rừng ngập nước	ha	213,68	129,408	-
Có rừng	ha	2.945,23(43,16%)	1.044,97(45,87%)	1.343,65(54,82%)
Chưa có rừng	ha	3.878,61(56,84%)	1.233,12(54,13%)	1.106,94 (45,18%)

(Nguồn: Báo cáo Ban quản lý khu bảo tồn Nam Et-Phu Loi 2019)

Trên cơ sở phân tích số liệu, có thể thấy tỷ lệ diện tích rừng chiếm khoảng 43,3% tổng diện tích tự nhiên của từng xã, cao nhất là xã Houy Moun có diện tích rừng chiếm 47% tổng diện tích tự nhiên. Hơn nữa, KBT thiên nhiên đã có sự quy hoạch quản lý của từng xã nên vấn đề về địa hình, vị trí và khoảng cách đến rừng đã được thể hiện trên các bản đồ chuyên đề cụ thể, làm giảm mức độ khó khăn trong quản lý và bảo vệ rừng. Ba xã thuộc khu vực nghiên cứu này đáp ứng được điều kiện 1 trong đặc điểm về diện tích của rừng.

3.1.2. Đáp ứng điều kiện 2: Mức độ mất rừng và suy thoái rừng cao

Khu vực nghiên cứu còn là khu vực có mức độ mất rừng và suy thoái rừng khá cao với nguyên nhân là hoạt động sinh sống của người dân địa phương do đời sống phần lớn phụ thuộc

vào tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên rừng. Trong đó là làm nông nghiệp, đốt phá rừng làm canh tác nương rẫy và di chuyển vào vùng khác làm cho chế độ của rừng bị suy giảm, khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ, còn lại là do sự phát triển cơ sở hạ tầng như khai thác gỗ để xây nhà, xây dựng đường giao thông... Qua bảng 2 có thể thống kê được số liệu diện tích đất hay rừng được sử dụng theo nhu cầu nêu trên so với diện tích tự nhiên của khu vực nghiên cứu.

Bảng 2. Diện tích đất được sử dụng trong nông nghiệp và cơ sở hạ tầng

Hạng mục	Đơn vị tính	Xã		
		Khang Khao	Na Keng	Houy Moun
Tổng DTTN	ha	6.823,84	2.278,094	2.450,59
Đất làm nông nghiệp	ha	3.946,46	1.324,805	1.287,93
Giao thông	ha	18,7	-	10,4
An ninh quốc phòng	ha	0,5	-	-
Tổng	ha	3.965,16 (58%)	1.324,8(58%)	1.298,33(53%)

(Nguồn: Báo cáo Ban quản lý khu bảo tồn Nam Et-Phu Loi 2019)

Diện tích đất bị phá rừng làm nông nghiệp và cơ sở hạ tầng của 3 xã có tỷ lệ chiếm 55,5%, trong đó cao nhất là 2 xã Khang Khao và Na Keng chiếm 58% diện tích tự nhiên. Số liệu đó cho thấy mức độ mất rừng và suy thoái rừng rất cao và có thể có tiềm năng tăng lên trong tương lai. Do đó, nên có quy hoạch quản lý nhanh (thực hiện REDD+) để suy giảm vấn đề đó. Có thể nhận thấy cả 3 xã thuộc khu vực nghiên cứu này có thể đáp ứng điều kiện 2.

3.1.3. Đáp ứng điều kiện 3: Đặc điểm kinh tế xã hội

Theo thống kê dân số của KBT Nam Et-Phu Loi năm 2019: Người dân bao gồm nhiều dân tộc gồm Tai Dam, Tai Daeng, Tai Kao, Tai Puan, Tai Lue, Tai Yuan, Khơ Mú, Mông Kao, Mông Lai và Yao. Dân số là 91.500 nhân khẩu, sinh sống tại 13.600 hộ gia đình trên 283 xã.

Bảng 3. Bảng thống kê dân số tại những xã thuộc khu vực nghiên cứu

Hạng mục	Đơn vị tính	Xã		
		Khang Khao	Na Keng	Houy Moun
Số hộ	Hộ	243	35	84
Số hộ nghèo	%	13,98%	26,86%	15,83%
Số khẩu	Người	1.562	168	444

(Nguồn: Báo cáo Ban quản lý khu bảo tồn Nam Et-Phu Loi 2019)

Từ bảng 3, nhận thấy còn có hộ nghèo với tỷ lệ trung bình chiếm 19% tổng số hộ trong các xã, trong đó xã Na Keng là xã có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất với 26,8%. Hiện tại, khu vực nghiên cứu thuộc vùng có nền kinh tế khó khăn. Người dân sống trong khu vực nghiên cứu chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số người Khơ Mú, Mông, lao động nông nghiệp thuộc 95%, còn lại là lao động thuộc các ngành nghề khác bao gồm cán bộ xã, huyện,... Nguồn thu nhập kinh tế chủ yếu là từ nông nghiệp, nhiều khó khăn do tập quán sinh sống trên cao của người Mông, cuộc sống gắn liền với tài nguyên rừng. Địa hình, diện tích đất bằng phẳng khá hạn hẹp những diện tích có thể canh tác được chủ yếu dùng để xây dựng nhà ở cho nhân khẩu mới phát sinh, nên việc phá rừng làm nương rẫy là vấn đề khó tránh khỏi. Như vậy, thấy rằng khu vực nghiên cứu không chỉ đối chiếu đáp ứng với điều kiện 3 mà REDD+ còn có ý nghĩa quan trọng đối với cuộc sống người dân.

3.2. Phân tích tiềm năng tham gia REDD+ tại khu vực nghiên cứu

3.2.1. Điểm mạnh để thực hiện chương trình REDD+ tại khu vực nghiên cứu

Khu vực nghiên cứu có các loại rừng bao gồm rừng đặc dụng của tỉnh Houa Phan, rừng sản xuất, rừng trồng. Căn cứ theo luật Lâm nghiệp (Lào) số 06/QH ngày 24/12/2007 và luật Đất đai (Lào) số 04/QH ngày 21/10/2003, Ban quản lý cả 3 xã trong khu vực nghiên cứu đều đã ký Hợp đồng quản lý rừng hàng năm với phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Houa Muong. Từ năm 2014 -2018 nhận nguồn kinh phí hỗ trợ của dự án CliPAD giải ngân theo từng giai đoạn. Nhằm

mục đích là (1) hỗ trợ và đẩy mạnh trong việc bảo vệ và quản lý rừng bền vững trong xã: rừng đặc dụng, rừng trồng, rừng sản xuất, rừng phòng hộ; (2) thúc đẩy và quảng bá người dân thực hiện hiệu quả và bền vững việc sử dụng tài nguyên rừng và đất rừng trong phạm vi của xã; (3) tổ chức thực hiện các hoạt động cho hiệu quả cao và cải thiện sự phong phú, độ che phủ của rừng trong tương lai đó là sự đóng góp trong việc giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất rừng và suy thoái rừng. Điều này làm thuận lợi cho việc thực hiện REDD+ tại khu vực nghiên cứu.

Tại 3 xã nghiên cứu, mỗi xã đều có Quy hoạch quản lý rừng tạo ra một tổ bảo vệ rừng do cán bộ xã và đoàn thanh niên tham gia. Nhiệm vụ của tổ là kiểm tra và bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng trồng thuộc khu vực xã mình. Công tác tuần tra được tiến hành từ hai lần trong tháng hoặc theo từng hoạt động. Tuy nhiên những hoạt động này cho đến nay chưa được trả kinh phí với các mức quy định cụ thể. Công tác phòng cháy chữa cháy rừng các xã vùng đệm được tuyên truyền, diễn tập 1 lần trong năm theo quy hoạch quản lý rừng. Đặc biệt, người dân đã biết nhắc nhở nhau không mang theo vật dễ gây cháy nổ trước khi vào rừng và có cuộc kiểm tra 4 lần trong năm. Những hoạt động này thực hiện trên cơ sở tập tục bảo vệ rừng của người dân, và đẩy mạnh hơn từ khi thực thi Luật bảo vệ rừng năm 2007. Việc khai thác các lâm sản ngoài gỗ như nguồn thực phẩm chính của người dân địa phương thì hiện nay hiện tượng này đã được hạn chế nhiều. Theo kết quả tổng hợp từ 60 phiếu điều tra của 3 xã, 48,3% hộ gia đình vẫn còn phụ thuộc vào việc khai thác lâm sản ngoài gỗ như măng, tre, nứa, cây thuốc... để cải thiện dinh dưỡng và tăng thu nhập. Tất cả người dân tham gia phỏng vấn đều khẳng định là việc khai thác lâm sản ngoài gỗ có sự quản lý và có thể khai thác được theo mùa. Việc săn bắn còn ít vì KBT đã hạn chế và công tác quản lý, bảo vệ có hiệu quả hơn. Đã có nhiều cuộc hội thảo về tuyên truyền luật quản lý bảo vệ rừng của chính phủ và các tổ chức, hội thảo về tuyên truyền REDD+ tại khu vực. Theo kết quả tổng hợp 60 phiếu điều tra, tác giả nhận thấy 98,3% người dân tham gia khảo sát đã tham gia vào việc bảo vệ và quản lý rừng. Hoạt động khai thác gỗ đã có sự bảo vệ và quản lý chặt chẽ, người dân muốn khai thác gỗ phải có giấy phép khai thác hợp lệ. Theo khảo sát, có thể thấy hoạt động khai thác trái phép đã được hạn chế và công tác quản lý, bảo vệ được nâng cao và có hiệu quả hơn. Tại các xã trong khu vực nghiên cứu, việc tuyên truyền được đẩy mạnh cải thiện nhận thức của người dân. Họ đã phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp. Nhiều gia đình còn kinh doanh buôn bán để kiếm thêm thu nhập, sự phụ thuộc của người dân vào rừng ngày càng ít đi. Qua cuộc phỏng vấn, hầu hết người dân đều mong muốn tăng thêm nguồn thu nhập của gia đình để không còn phụ thuộc vào rừng. Ngoài ra, họ còn mong muốn bảo vệ rừng để bảo vệ nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt và nông nghiệp đang ngày càng suy giảm cả chất lượng và trữ lượng. Mong muốn của người dân rất phù hợp với mục tiêu của REDD+ để làm cho sự mong muốn của người dân thành sự thật.

3.2.2. Điểm yếu và nguyên nhân

Mặc dù đã có những quy định pháp luật về việc cấm lấn chiếm đất rừng để sản xuất nông nghiệp nhưng hiện tượng này vẫn chưa thực sự tránh khỏi. Thực tế KBT được thành lập trên một phần diện tích mà trước đó người dân đang canh tác nương rẫy. KBT đã chia khu vực thành 2 phần: phần cấm và phần sử dụng. Phần sử dụng cho phép người dân sử dụng trong phạm vi KBT đã quyết định. Do đó, nhiều người dân sống trong khu vực vùng đệm lợi dụng sự sơ hở trong công tác thực thi pháp luật đã lén lút phá rừng để trồng cây nông nghiệp. Theo quá trình phỏng vấn từ 3 xã trong khu vực nghiên cứu có thể thu thập được số liệu người dân làm nông nghiệp đặc biệt là số liệu người dân làm rẫy trên 60 phiếu trong bảng 4.

Bảng 4. Tỷ lệ người dân làm nông nghiệp và làm rẫy trong khu vực nghiên cứu

Hạng mục	Xã		
	Khang Khao	Na Keng	Houy Moun
Người dân làm nông nghiệp	75%	80%	90%
Tỷ lệ trung bình		81,6%	
Người dân làm rẫy	53,3%	62,5%	88,9%
Tỷ lệ trung bình		68,2%	

(Nguồn: Tác giả điều tra tháng 3-2019)

Theo bảng thống kê trên cho thấy người dân làm nông nghiệp trong khu vực nghiên cứu có tỷ lệ trung bình chiếm tới 81,6%, trong đó xã Huay Moun có tỷ lệ cao nhất chiếm 90% và tỷ lệ người dân làm nương rẫy trung bình là 68,2%, trong đó xã Houy Moun có người dân làm rẫy cao nhất với tỷ lệ 88,9%. Như vậy, do khu vực nghiên cứu chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số người Khơ Mú, Mông, tập quán sinh sống trên cao của người Khơ Mú và người Mông (xã Houy Moun), cuộc sống gắn liền với rừng nên cái đói nghèo bám dai dẳng qua nhiều thế hệ, mặt khác diện tích đất bằng phẳng khá hạn hẹp, nên việc phá rừng làm nương rẫy là vấn đề nan giải chưa có biện pháp triệt để. Mặc dù đã có quy hoạch quản lý rừng chặt chẽ, có hạn chế sử dụng gỗ của người dân trong khu vực nghiên cứu nhưng người dân còn sử dụng liên tục. Vẫn còn hiện tượng người dân địa phương và những người dân ở khu vực khác khai thác gỗ bất hợp pháp, nguyên nhân chủ yếu do đời sống của người dân phần lớn chủ yếu gắn liền với rừng. Qua phỏng vấn, có thể thu thập được số liệu người dân khai thác gỗ để sử dụng theo mục đích trong bảng 5.

Bảng 5. Bảng thống kê tỷ lệ người dân sử dụng gỗ tại khu vực nghiên cứu và mục đích sử dụng

Hạng mục	Xã			Tỷ lệ trung bình
	Khang Khao	Na Keng	Houy Moun	
Tỷ lệ sử dụng gỗ trong rừng của người dân	95%	100%	95%	96,6%
Mục đích sử dụng				
Xây nhà	31,6%	25%	26,3%	27,6%
Làm củi	36,8%	40%	52,6%	43,2%
Than gỗ	31,6%	35%	15,8%	27,5%
Hàng rào	-	-	5,2%	1,7%

(Nguồn: Tác giả điều tra tháng 3-2019)

Tỷ lệ người dân khai thác gỗ rất cao với tỷ lệ trung bình chiếm đến 96,6%, nhất là hai xã Na Keng và Houy Moun có tỷ lệ cao đến 100%. Trong đó mục đích sử dụng của người dân cao nhất là khai thác gỗ để làm củi với tỷ lệ trung bình là 43,2%, nhất là xã Houy Moun có tỷ lệ là 52,6%.

Trình độ học vấn của người dân trong khu vực nghiên cứu còn thấp, nhận thức về những lợi ích của rừng và ảnh hưởng của sự mất rừng còn hạn chế. Trong khảo sát thực địa, khả năng tiếp cận phỏng vấn, khai thác thông tin từ người dân địa phương còn hạn chế, thậm chí họ rất ngại với việc phải nói chuyện với người lạ. Điều này làm hạn chế khả năng giao tiếp cũng như sự tiếp cận với những cơ hội mới của họ. Sự nghèo đói của người dân là một rào cản đối với việc thực hiện REDD+, các hoạt động tạo thu nhập bền vững để thay thế việc phá rừng làm nương rẫy còn hạn chế. Đây là lý do chính khiến họ phụ thuộc vào việc sử dụng đất rừng không bền vững. Phòng văn cán bộ chuyên trách UBND huyện Houa Muong cho biết việc áp dụng quy hoạch sử dụng đất và thực thi pháp luật và quản trị rừng của các xã chưa triệt để gây ra nhiều rủi ro và có khả năng không đủ khuyến khích để thúc đẩy thực hành sử dụng đất bền vững.

Mặc dù đã có cuộc hội thảo về tuyên truyền REDD+ tổ chức cho người dân tại khu vực nghiên cứu nhưng còn có nhiều người dân chưa hiểu rõ về REDD+. Theo kết quả số liệu thu được của sự hiểu biết về REDD+ của người dân của 3 xã tổng hợp trong bảng 6.

Bảng 6. Tỷ lệ sự hiểu biết về REDD+ của người dân trong 3 xã

Hạng mục	Xã			Tỷ lệ trung bình
	Khang Khao	Na Keng	Houy Moun	
Người dân có hiểu về REDD+	40%	35%	20%	31,7%
Người dân chưa hiểu về REDD+	60%	65%	80%	68,3%
Người dân muốn hiểu biết thêm về REDD+	100%	100%	100%	100%

(Nguồn: Tác giả điều tra tháng 3-2019)

Từ số liệu trên cho thấy còn có nhiều người dân chưa hiểu biết về REDD+ với tỷ lệ trung bình chiếm 31,7% tổng người dân tham gia phỏng vấn, trong đó xã Houy Moun có tỷ lệ người dân chưa hiểu biết về REDD+ cao đến 80% và 100% người dân đều mong muốn hiểu biết thêm về REDD+. Tuy nhiên, REDD+ là khái niệm rất mới với người dân đặc biệt là người dân trong khu vực nghiên cứu là dân tộc thiểu số, trình độ học vấn còn thấp.

Từ đó, có thể tóm lại những tiềm năng thực hiện REDD+ trong khu vực nghiên cứu theo phân tích SWOT như bảng 7:

Bảng 7. Phân tích tiềm năng tham gia REDD+ trong khu vực nghiên cứu

Điểm mạnh (S)	Điểm yếu (W)
- Cả 3 xã đều có Quy hoạch quản lý rừng và đang thực hiện. - Công tác phòng cháy chữa cháy rừng được cải thiện. - Việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ (LSNG) được hạn chế và quản lý chặt chẽ. - Có cuộc hội thảo tuyên truyền nhận thức cho cán bộ xã và người dân. - Sự phối hợp, tạo điều kiện của UBND các xã với sự hợp tác của các cộng đồng dân cư.	- Còn có hiện tượng đốt phá rừng làm nông nghiệp. - Việc áp dụng quy hoạch sử dụng đất chưa triệt để. - Nhận thức của người dân chưa cao. - Nhu cầu sử dụng gỗ của người dân còn cao.
Cơ hội (O)	Nguy cơ (T)
- Nguồn thu nhập từ chi trả dịch vụ môi trường rừng khi thực hiện REDD+. - Cải thiện và nâng cao đời sống của người dân. - Tuyên truyền giáo dục môi trường cho thanh niên, rừng, người dân. - Quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng bền vững	- Sự nghèo đói của người dân. - Nguồn thu nhập của người dân còn hạn chế. - Đời sống của người dân còn phụ thuộc vào

Tóm lại: Về cơ bản khu vực nghiên cứu đã đáp ứng các điều kiện là địa bàn tham gia REDD+.

3.3. Một số giải pháp định hướng nhằm thúc đẩy tiến trình tham gia REDD+ cho khu vực nghiên cứu

3.3.1. Duy trì và tăng cường công tác bảo vệ rừng

- *Đối với KBT*: Giảm thiểu sự phụ thuộc vào tài nguyên rừng của người dân địa phương thông qua chương trình phát triển kinh tế xã hội bền vững, ngăn cấm kịp thời hiện tượng du canh, đốt rừng làm nương rẫy. Thực hiện chương trình giáo dục và nâng cao nhận thức cho cộng đồng địa phương. Tăng cường kiểm soát chặt chẽ hơn việc săn bắn, việc khai thác trái phép rừng. Đẩy mạnh các hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp trong vùng đệm KBT. Khuyến khích các bên có liên quan, người dân địa phương tham gia vào hoạt động bảo tồn.

- *Đối với các bên liên quan (xã, các tổ chức...)*: Cải thiện quy hoạch sử dụng đất. Cải thiện thực thi luật bảo vệ và phát triển rừng, tổ chức đăng ký đất đai và cấp đất cụ thể cho người dân. Tổ chức các hoạt động phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Tăng cường các hoạt động khuyến nông để tập trung vào bảo vệ rừng, thực hành nông nghiệp bền vững và thân thiện với môi trường. Lắng nghe ý kiến của người dân về tình trạng và các nguyên nhân phá rừng còn tồn tại để đưa ra những giải pháp giải quyết vấn đề này một cách phù hợp nhất. Tổ chức hoạt động tuyên truyền về công tác bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học để nâng cao nhận thức của người dân địa phương. Nâng cao và đào tạo kiến thức, có chế độ đãi ngộ hợp lý cho các cán bộ, các bên liên quan để thực hiện tốt và nắm được quy hoạch bảo vệ phát triển rừng bền vững.

- *Đối với người dân trong khu vực nghiên cứu*: Thường xuyên lắng nghe các chương trình liên quan tới bảo vệ và phát triển rừng, phát triển kinh tế của nhà nông thông qua phương tiện thông tin đại chúng. Tích cực tham gia các buổi tuyên truyền do các bên liên quan tổ chức hoặc dưới sự kết hợp giữa bên liên quan với dự án. Luôn đề cập, nhắc nhở với bạn bè, hàng xóm và các con cháu về ranh giới rừng đặc dụng và sự cần thiết bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước. Quan tâm đến vấn đề học tập để nâng cao trình độ văn hóa, xóa đói giảm nghèo. Thực hiện và tuân thủ pháp luật bảo vệ và phát triển rừng, hợp tác với cấp trên, các tổ chức và các bên liên quan đến rừng. Đổi mới tư tưởng trong sử dụng các sản phẩm rừng, tránh các hành vi phá rừng trái phép.

3.3.2. Chuẩn bị sẵn sàng tham gia thực hiện REDD+ cho khu vực nghiên cứu

Nâng cao nhận thức của người dân và tạo cho họ tinh thần sẵn sàng tham gia thực hiện REDD+ bằng các hình thức khác nhau. Tổ chức các chương trình giáo dục môi trường tới tất cả các xã, đặc biệt đối với những vùng xa xôi để giúp họ nhận thức vấn đề một cách dễ dàng và gần

gửi nhất. Tổ chức các cuộc họp các bên liên quan tại khu vực nghiên cứu về REDD+, giải thích cho họ hiểu về REDD+ và những lợi ích mà REDD+ đem lại cho cộng đồng. Đào tạo và nâng cao kiến thức về REDD+ cho cán bộ xã để sẵn sàng cho thực hiện REDD+. Tăng cường nâng cao cơ sở hạ tầng vật chất, xây dựng đường giao thông đi lại thuận tiện tới các xã.

3.3.3. Thực hiện phục hồi cảnh quan rừng

Nâng cao năng lực và đào tạo cho cán bộ về việc phục hồi cảnh quan rừng tích hợp quản lý rừng bền vững. Triển khai các hoạt động phục hồi cảnh quan rừng, bao gồm thiết lập hệ thống nông lâm kết hợp và trồng các loài hỗn hợp. Thực hiện các hoạt động quản lý rừng bền vững và cung cấp các dịch vụ khuyến nông, đào tạo và nâng cao nhận thức cho người dân (bao gồm hỗ trợ tiếp thị). Thực hiện phủ xanh đất trống đồi núi trọc, tăng diện tích rừng đang có.

4. Kết luận

REDD+ là một khái niệm mới với Lào, là cơ hội tăng thu nhập từ ngành lâm nghiệp cho người dân trong nhiều khu vực của Lào và có ý nghĩa tích cực đóng góp trong công cuộc chống biến đổi khí hậu toàn cầu. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng khu vực nghiên cứu đáp ứng khá tốt các điều kiện cơ bản để có thể tham gia vào chương trình REDD+: điều kiện tự nhiên với nguồn tài nguyên rừng phong phú tuy nhiên đang chịu nhiều áp lực và có tốc độ suy thoái cao, người dân khu vực có đời sống khó khăn cần thiết có các chương trình hỗ trợ. Các cấp quản lý và người dân khu vực nghiên cứu đều mong muốn được tham gia vào chương trình REDD+ để có thể thay đổi cuộc sống, bảo vệ tài nguyên rừng. Nghiên cứu phân tích những khó khăn nếu triển khai chương trình REDD+ tại khu vực bao gồm: đời sống người dân quá phụ thuộc tài nguyên rừng, nhận thức về pháp luật và các chương trình, dự án còn hạn chế do trình độ thấp, nguồn cán bộ quản lý tại địa phương còn hạn chế... Tuy nhiên những khó khăn này có thể được khắc phục với những giải pháp đưa ra hướng tới duy trì và tăng cường công tác bảo vệ rừng; chuẩn bị sẵn sàng tham gia thực hiện REDD+ và thực hiện phục hồi cảnh quan rừng. Từ việc phân tích điều kiện vốn có, những thuận lợi, khó khăn tại khu vực, nghiên cứu khẳng định người dân vùng đệm khu bảo tồn thiên nhiên Nam Et-Phu Loi hoàn toàn có thể tham gia thực hiện chương trình REDD+.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] X. T. Nguyen, T. T. Nong, and V. H. Tran, "Policy of payment for forest environmental services associated with sustainable forest protection and management in Muong Te district, Lai Chau province," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 226, no. 08, pp. 78-84, 2021.
- [2] V. H. Le and P. T. Ha, "Results of implementing the policy of payment for forest environmental services in Lao Cai province," *Journal of Forestry Science and Technology*, no. 3, pp. 175-182, 2019.
- [3] T. T. L. Nguyen, Q. B. Tran, and D. D. Bui, "Building a scenario to reduce CO₂ emissions from forest resources in Tuy Duc district, Dak Nong province in the period 2016 – 2020," *Science and Technology magazine forestry*, no. 4, pp. 94-105, 2018.
- [4] N. K. La, "Study on scientific and practical basis to propose solutions to implement REDD+ program in Dien Bien province," PhD thesis in Forestry, University of Forestry, Hanoi, 2015.
- [5] T. Y. Nguyen, "Evaluating the participation of local people in the process of implementing the project "Support for REDD+ readiness in Vietnam" in Quang Tri province," Master of Science Thesis, Hue University of Agriculture and Forestry, 2018.
- [6] T. H. Nguyen, C. Q. Tran, D. C. Vu, and H. T. Dao, "Study on factors affecting the livelihoods of local people living on forests in the ATK Dinh Hoa special-use forest area, Thai Nguyen," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 226, no. 01, pp. 42- 49, 2021.
- [7] T. L. Vi, "Analysis of opportunities to participate in REDD program for people in the buffer zone of Than Sa – Phuong Hoang nature reserve, Vo Nhai district, Thai Nguyen," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 112, no. 12/1, pp. 79-84, 2013.
- [8] D. H. Le and T. L. P. Hoang, "Key factors influencing the participation of local households in REDD+ program: a case study in Vietnam," *Journal of forestry science and technology*, no. 7, pp. 154-163, 2019.
- [9] S. Vannaxon, "Research and propose solutions to improve the efficiency of forest resource management with the participation of people in Dong Am Pham National Park, Attapeu Province, Lao PDR," Master of Science Thesis Forestry, University of Forestry, Hanoi, 2017.